

| | | | |
|---------------------------|-------------------|-------------|-------------|
| Ngày 31/12/2024 | 22,300 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 0.5% | 5.5% | 5.0% |

| | |
|------------|--------------------------|
| 2024 | |
| ROE | 7.8% |
| | +/- YoY ▼ 2.9% |

| | | | |
|-----------------|------------|--|---------------------------------------|
| Q4/24 | | | |
| DT thuần | 104 | QoQ ▼ 13.0 ▼ 10.8% | YoY ▼ 6.00 ▼ 5.2% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | |
|-----------------|--|
| 2024 | |
| DT thuần | 296 |
| | YoY ▼ 48.0 ▼ 13.9% |
| | tỷ VNĐ |

| | | | |
|---------------|-------------|---------------------------------------|--|
| Q4/24 | | | |
| LN gộp | 43.8 | QoQ ▼ 0.70 ▼ 1.6% | YoY ▼ 12.6 ▼ 22.4% |
| | tỷ VNĐ | | |

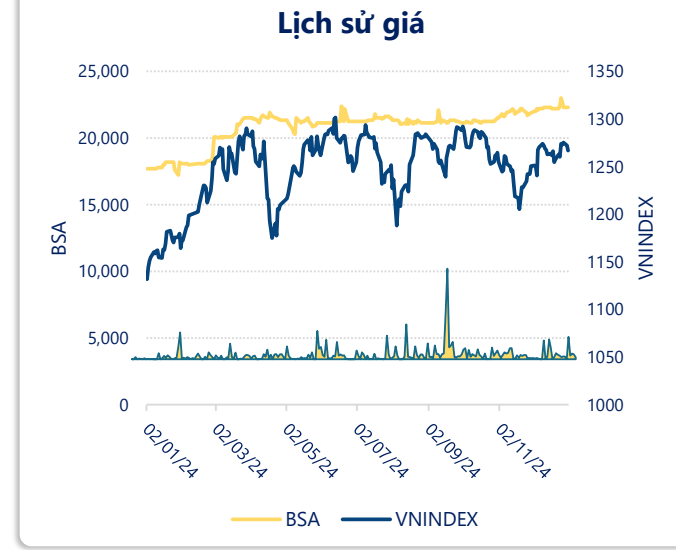
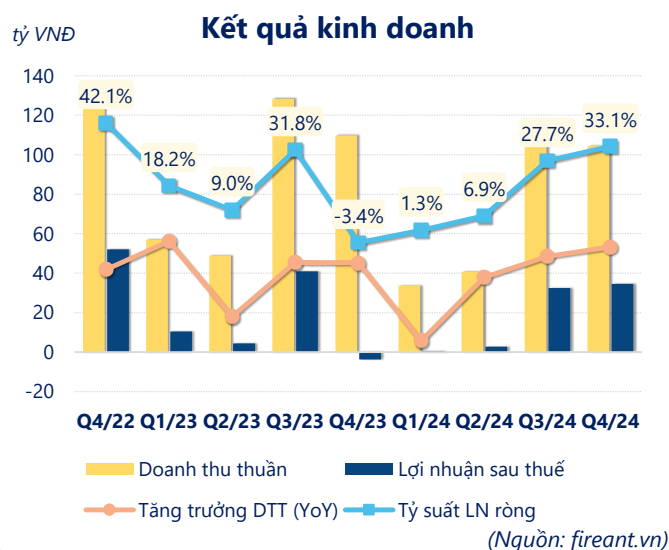
| | |
|---------------|--|
| 2024 | |
| LN gộp | 113 |
| | YoY ▼ 40.0 ▼ 26.3% |
| | tỷ VNĐ |

| | | | |
|-----------------|-------------|---------------------------------------|--|
| Q4/24 | | | |
| LN thuần | 37.5 | QoQ ▲ 3.30 ▲ 9.7% | YoY ▲ 39.6 ▲ 1878% |
| | tỷ VNĐ | | |

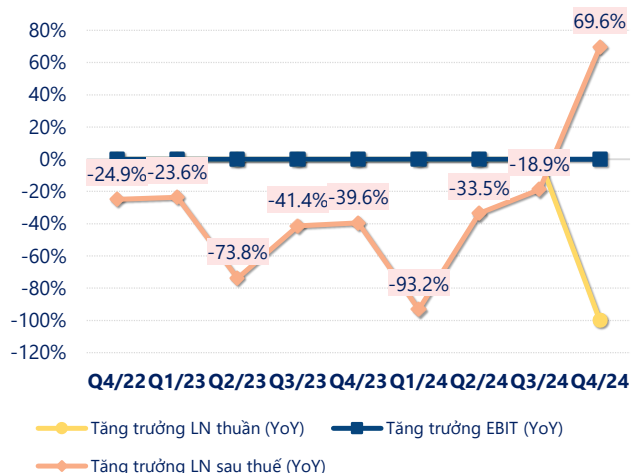
| | |
|-----------------|--|
| 2024 | |
| LN thuần | 75.2 |
| | YoY ▼ 26.8 ▼ 26.2% |
| | tỷ VNĐ |

| | | | |
|--------------------|-------------|---------------------------------------|--|
| Q4/24 | | | |
| LN sau thuế | 34.6 | QoQ ▲ 2.10 ▲ 6.3% | YoY ▲ 38.4 ▲ 1017% |
| | tỷ VNĐ | | |

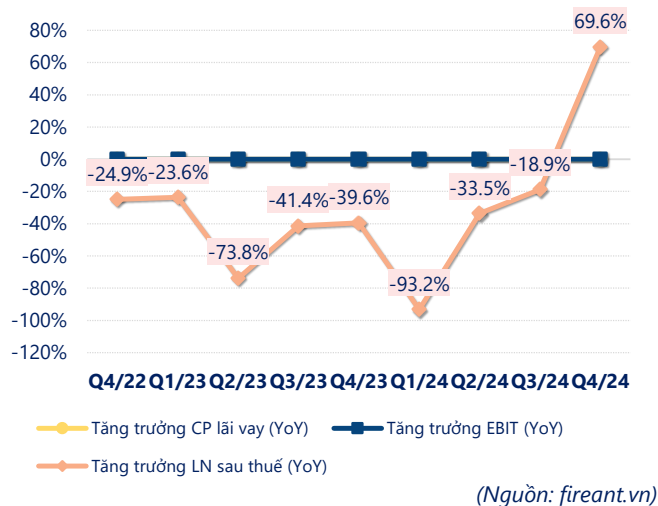
| | |
|--------------------|--|
| 2024 | |
| LN sau thuế | 70.3 |
| | YoY ▼ 26.7 ▼ 27.6% |
| | tỷ VNĐ |



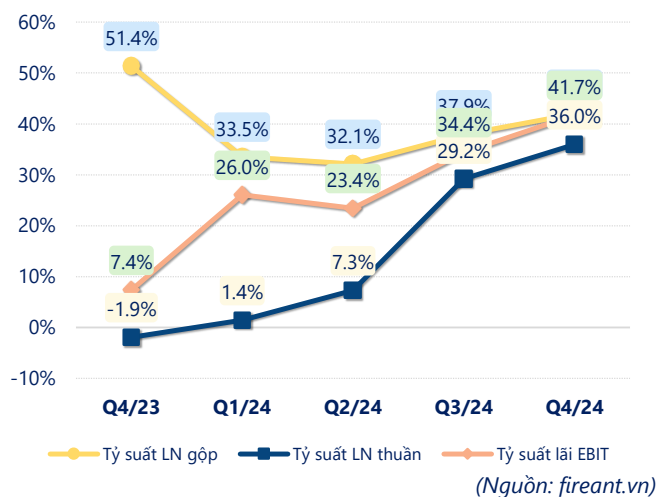
Tăng trưởng lợi nhuận



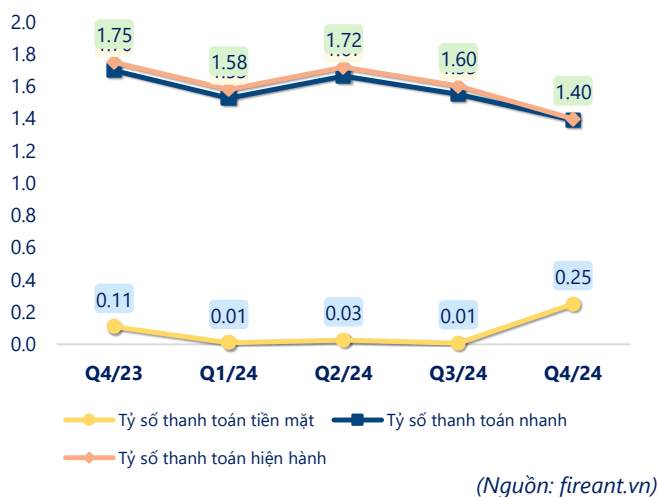
Tăng trưởng chi phí



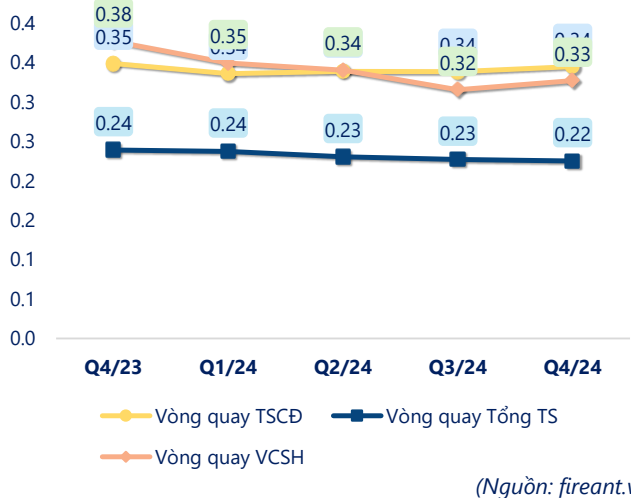
Tỷ suất lợi nhuận



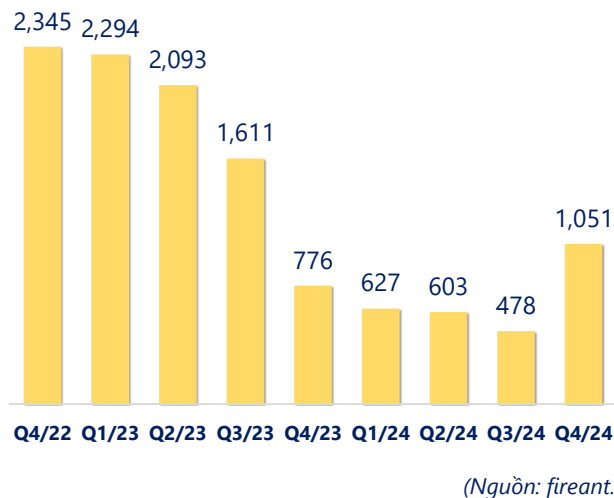
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q4/24 | Q4/23 | Thay đổi YoY | 2024 | 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|--------------|--------------|-----------------|--------------|-------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 104 | 110 | -5.2% | 296 | 344 | -13.9% |
| Giá vốn hàng bán | 60.5 | 53.4 | 13.4% | 183 | 191 | -4.1% |
| Lợi nhuận gộp | 43.8 | 56.4 | -22.4% | 113 | 153 | -26.3% |
| Doanh thu HĐTC | 0.40 | 0.30 | 33.4% | 0.76 | 3.12 | -75.7% |
| Chi phí TC | 2.61 | 54.5 | -95.2% | 24.5 | 38.5 | -36.2% |
| Chi phí lãi vay | 6.15 | 10.2 | -39.7% | 27.2 | 38.5 | -29.4% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí QLDN | 4.07 | 4.30 | -5.4% | 13.7 | 15.5 | -11.7% |
| LN thuần từ HĐKD | 37.5 | -2.11 | 1878% | 75.2 | 102 | -26.2% |
| Lợi nhuận khác | -0.11 | 0.02 | -667% | -0.12 | 0.02 | -803% |
| LN trước thuế | 37.4 | -2.10 | 1881% | 75.1 | 102 | -26.4% |
| Lợi nhuận sau thuế | 34.6 | -3.77 | 1017% | 70.3 | 97.0 | -27.6% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 34.6 | -3.77 | 1017% | 70.3 | 97.0 | -27.6% |

(Nguồn: fireant.vn)

